

Thứ năm, ngày 15 tháng 10 năm 2020

Vietnam Daily Review

Giảng co phiên đảo hạn HĐTL

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/10/2020		•	
Tuần 12/10-16/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Phiên đảo hạn HĐTL hôm nay diễn ra với những nhịp lên xuống vào đầu phiên sáng và trong phiên chiều, chốt phiên VNIndex tăng nhẹ hơn 2.5 điểm. Dòng tiền đầu tư giảm nhẹ nhưng vẫn có 12/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên sàn HSX nhưng có chiều hướng tăng mua ròng trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường gia tăng so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường tiếp tục ở trạng thái cân bằng cho thấy các nhà giao dịch phần nào cũng đang chốt dần những cổ phiếu có lãi. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex nhiều khả năng sẽ có nhịp điều chỉnh về dưới ngưỡng 940 trong phiên giao dịch cuối tuần.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2012, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 870 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/10/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền_1.0%

Phân tích kỹ thuật: ACV_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +2.58 điểm, đóng cửa 942.76. HNX-Index +2.17 điểm, đóng cửa 139.66.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (+2.46); HPG (+0.67); VCB (+0.42); MSN (+0.37); VJC (+0.21).
- Kéo chỉ số giảm: VHM (-0.92); BID (-0.73); GVR (-0.17); GAS (-0.11); DBC (-0.09).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 8,402 tỷ đồng, +10.54% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 7.23 điểm. Thị trường có 184 mã tăng, 66 mã tham chiếu và 223 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -261.14 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm MSN (-254.4 tỷ), SAB (-57.5 tỷ) và PVT (-37 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 8.29 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 942.76

Giá trị: 8402.08 tỷ 2.58 (0.27%)

Khối ngoại (ròng): -261.14 tỷ

HNX-INDEX 137.49

Giá trị: 886.85 tỷ 1.34 (0.98%)

Khối ngoại (ròng): 8.29 tỷ

UPCOM-INDEX 63.48

Giá trị: 0.88 tỷ 0.35 (0.55%)

Khối ngoại (ròng): -25.84 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.7	-0.93%
Giá vàng	1,897	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	27,252	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	21,990	0.11%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	25.17%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-0.83%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	62.6	MSN	254.4
CTG	56.3	SAB	57.5
HPG	28.8	PVT	37.0
VNM	26.65	VPB	31.7
GVR	17.5	CII	29.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền_1.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	14/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.0%	2.0%	5.4%	5.4%	23.2%	9.4%	27.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.0%	2.0%	3.3%	3.3%	19.3%	4.6%	28.1%
FTSE Việt Nam	0.9%	1.7%	2.9%	2.9%	12.4%	0.3%	25.2%
Stay-at-home	0.9%	-2.2%	-1.5%	-1.5%	19.2%	24.6%	33.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.9%	2.8%	5.8%	5.8%	15.6%	0.0%	25.2%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.8%	2.3%	9.8%	9.8%	29.2%	21.3%	30.5%
Hàng tiêu dùng	0.7%	2.1%	6.3%	6.3%	25.8%	15.4%	29.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.7%	1.4%	4.1%	4.1%	20.3%	-3.4%	32.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.5%	3.5%	3.4%	3.4%	17.7%	4.7%	31.6%
VN FinSelect	0.5%	3.5%	3.9%	3.9%	17.7%	4.9%	30.0%
Ngân Hàng	0.5%	3.6%	7.1%	7.1%	29.5%	18.3%	33.6%
Vật liệu Xây dựng	0.4%	-0.5%	3.8%	3.8%	24.5%	21.6%	28.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.4%	1.1%	3.5%	3.5%	21.9%	3.1%	30.0%
Cổ phiếu ngành Dược	0.3%	-0.5%	1.4%	1.4%	15.9%	6.1%	21.6%
VN Diamond	0.2%	2.3%	3.4%	3.4%	19.0%	-2.1%	31.1%
Nước & Năng lượng	0.1%	-0.9%	0.6%	0.6%	16.7%	5.0%	26.0%
Lãi suất giảm	0.0%	-2.6%	0.1%	0.1%	23.4%	19.6%	32.3%
Corona Avengers	-0.1%	-0.7%	2.4%	2.4%	19.6%	15.2%	34.8%
Xây dựng	-0.5%	-2.1%	1.4%	1.4%	24.3%	14.9%	30.8%
EVFTA	-0.6%	-0.5%	0.8%	0.8%	1.8%	1.8%	15.2%
Đầu tư công	-0.6%	-2.4%	0.7%	0.7%	25.8%	18.7%	26.1%
Chiến tranh thương mại	-0.8%	-1.1%	2.8%	2.8%	26.4%	9.3%	30.8%
Dầu khí	-0.8%	-2.8%	-0.4%	-0.4%	12.0%	-14.4%	39.2%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.9%	-1.6%	0.0%	0.0%	15.3%	2.0%	25.1%
Bất động sản Khu công nghiệp	-1.0%	-2.6%	0.1%	0.1%	20.6%	21.5%	29.5%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.2%	-2.5%	-0.5%	-0.5%	18.5%	21.1%	21.5%

Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	1.5%	2.8%	6.8%	6.8%	22.4%	-1.2%	31.0%
S11	0.8%	1.1%	3.4%	3.4%	21.4%	20.5%	26.1%
M12	0.8%	1.8%	3.5%	3.5%	15.8%	3.2%	25.8%
M22	0.6%	1.8%	3.6%	3.6%	17.8%	11.6%	26.1%
S21	0.6%	0.3%	2.8%	2.8%	24.4%	7.5%	28.0%
S32	0.4%	0.8%	5.3%	5.3%	22.8%	-0.5%	33.9%
L22	0.3%	0.2%	2.2%	2.2%	22.1%	3.6%	28.1%
L11	0.2%	0.4%	1.8%	1.8%	17.5%	4.3%	24.8%
M31	0.0%	2.2%	4.8%	4.8%	24.4%	8.0%	30.8%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.8%	1.1%	3.2%	3.2%	19.4%	3.6%	28.7%
MID1	0.7%	0.4%	1.9%	1.9%	22.3%	18.1%	25.9%
LOW1	0.3%	1.0%	2.4%	2.4%	14.2%	2.4%	25.9%

INDEX							
VNINDEX	0.3%	2.0%	4.1%	4.1%	14.3%	-1.9%	24.6%
VN30INDEX	0.8%	2.8%	4.7%	4.7%	16.7%	2.3%	25.9%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	14	12	7	19	5	21
Mục tiêu	9	7	2	2	7	3	6
Rủi ro	3	3	0	0	3	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 15/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.07	0.07%	-0.30%	6.50%	-20.25%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	43.39	0.16%	0.10%	5.40%	-25.22%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	119.82	0.09%	-2.70%	7.00%	-18.75%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1896.80	-0.25%	0.20%	-2.90%	27.50%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.15	-0.49%	1.30%	-11.00%	35.57%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1058.75	0.14%	1.00%	6.30%	8.84%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	599.50	0.46%	0.70%	11.40%	10.35%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.55	0.49%	6.50%	18.40%	18.72%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	191.88	-0.17%	6.30%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.20	1.36%	0.40%	13.60%	4.57%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	109.60	-0.45%	0.00%	-10.90%	2.24%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6716.00	0.36%	0.60%	-1.20%	17.21%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	535.26	-0.76%	2.30%	-2.50%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1852.00	-0.32%	3.80%	2.90%	7.18%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	117.40	-2.07%	0.70%	-6.50%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	58.40	1.39%	-7.70%	1.00%	-24.35%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 87 US cent tương đương 2.05% lên 43.32 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 11 tăng 84 US cent tương đương 2.09% lên 41.04 USD/thùng. Giá dầu được hỗ trợ bởi OPEC+ tuân thủ 100% thỏa thuận cắt giảm nguồn cung dầu trong tháng 9/2020 là 102%, trong đó sự tuân thủ của Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) là 105%, các nước ngoài OPEC là 97%.
- Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) dự kiến tồn trữ dầu thô của Mỹ trong tuần mới nhất giảm và Viện Dầu mỏ Mỹ cho biết tồn trữ dầu thô của Mỹ giảm hơn so với dự kiến.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.7% lên 1,903.2 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York tăng 0.7% lên 1,907.3 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên giảm 2.4% xuống 798.5 CNY (118.43 USD)/tấn và trên sàn Singapore giảm 1.3% xuống 115.36 USD/tấn, giảm phiên thứ 3 liên tiếp. Tồn trữ quặng sắt tại các cảng của Trung Quốc trong tuần trước tăng lên 123.6 triệu tấn, cao nhất kể từ ngày 20/3/2020, công ty SteelHome cho biết..
- Giá thép cây trên sàn Thượng Hải giảm 0.3%, thép cuộn cán nóng giảm 0.7%.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka tăng 1.9 JPY tương đương 0.9% lên 202.1 JPY (1.92 USD)/kg, cao nhất kể từ ngày 31/8/2020. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Thượng Hải tăng 195 CNY lên 13,360 CNY (1,985 USD)/tấn, trong đầu phiên giao dịch đạt 13,440 CNY/tấn, cao nhất kể từ ngày 9/12/2019.
- Giá cao su trên sàn Osaka tăng phiên thứ 5 liên tiếp lên mức cao nhất 6 tuần, được thúc đẩy bởi lo ngại về sản lượng từ các nước sản xuất hàng đầu giảm và thị trường được cải thiện sau số liệu kinh tế vững chắc từ nước mua hàng đầu – Trung Quốc.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 trên sàn ICE tăng 0.05 US cent tương đương 0.05% lên 1.1015 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 trên sàn London tăng 22 USD tương đương 1.8% lên 1,245 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE giảm 0.02 US cent tương đương 0.1% xuống 13.99 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London giảm 3.4 USD tương đương 0.9% xuống 383.7 USD/tấn.

	15/10	% 15/10	14/10	% 14/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	942.76	0.27%	940.18	1.11%	2.60%	5.19%
S&P 500			3488.67	-0.66%	2.02%	3.11%
HĐTL S&P500	3454.25	-0.77%	3481.00	-0.68%	0.49%	1.75%
Shang- hai	3332.18	-0.26%	3340.78	-0.56%	3.55%	1.20%
Euro Stoxx	3195.68	-2.37%	3273.28	-0.18%	-1.85%	-4.10%

Phân tích kỹ thuật

ACV_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng hồi phục.

Nhận định: ACV đang quay trở lại tạo ngưỡng tích lũy tại vùng giá 61.5. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD vẫn chưa cho thấy tín hiệu tăng trong khi chỉ báo RSI đang ủng hộ nhịp hồi phục ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu đang có dấu hiệu cất xuống dài mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn chưa hình thành. Như vậy, nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế cổ phiếu tại quanh ngưỡng giá 61.5 và cân nhắc chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 70.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 60.



Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của ACV đạt 8660 tỷ (-52% YoY) với sản lượng hành khách đạt 57.8 triệu khách (-44% YoY) do đánh giá sản lượng hành khách hàng không gặp nhiều khó khăn trong 2H2020 khi dịch Covid tái phát. Với giả định ACV thực hiện tiết giảm các chi phí biến đổi, giá vốn hàng bán đạt 7741 tỉ (-17% YoY) thì LNST ước đạt 1558 tỷ đồng (-81% YoY), tương đương với EPS = 0,39 đồng/CP.

Luận điểm đầu tư

- (1) ACV có hai dự án trọng điểm quốc gia T3 Tân Sơn Nhất, Long Thành có tiềm năng tăng trưởng trong dài hạn
- (2) Tình hình tài chính lành mạnh giúp doanh nghiệp trụ vững qua dịch bệnh.
- (3) Hai đường cất hạ cánh tại Tân Sơn Nhất, Nội Bài dự kiến sẽ hoàn thành giai đoạn 1 đúng tiến độ cho đợt khai thác Tết Nguyên Đán 2021
- (4) Vaccine covid được phân phối trong thời điểm cuối năm 2020, kì vọng mở lại các đường bay quốc tế tại các nước đã kiểm soát đc dịch bệnh

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **ACV 2020Q3**

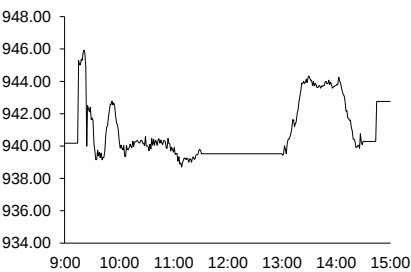
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-2.19%
Truyền thông	-0.26%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.15%
Ô tô và phụ tùng	-0.12%
Xây dựng và Vật liệu	-0.08%
Du lịch và Giải trí	-0.07%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.26%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.27%
Bảo hiểm	0.42%
Công nghệ Thông tin	0.75%
Dầu khí	0.80%
Bất động sản	1.24%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.63%
Thực phẩm và đồ uống	2.21%
Bán lẻ	2.29%
Ngân hàng	2.35%
Dịch vụ tài chính	2.57%
Tài nguyên Cơ bản	2.90%

Hình 1

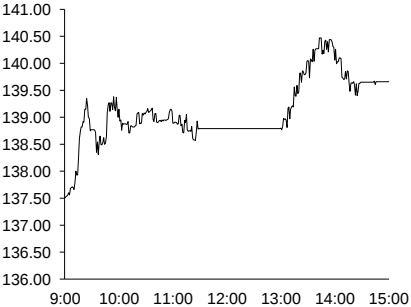
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	22.85	1	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	16.3	2	3.49%	Có thể tiếp tục mua
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	26	3	0.58%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	23.4	7	-2.50%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	75	8	1.21%	Có thể tiếp tục mua
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	11.15	10	1.83%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	36.3	13	0.41%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2020	SBT	15.8	18	14	15.9	14	0.63%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107.5	16	-1.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.3	17	-1.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.3	20	-0.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	84.8	21	4.56%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.55	23	0.87%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.65	24	5.78%	Có thể tiếp tục mua
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	55	28	3.19%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	28.9	31	3.40%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.1	34	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.65	35	-0.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.95	37	5.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	12.9	42	2.38%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/31/2020	VJC	103	112	100	106	45	2.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	24.05	48	1.91%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.1	49	-5.12%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.1	66	-2.93%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	33.5	113	9.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	77.5	121	3.47%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

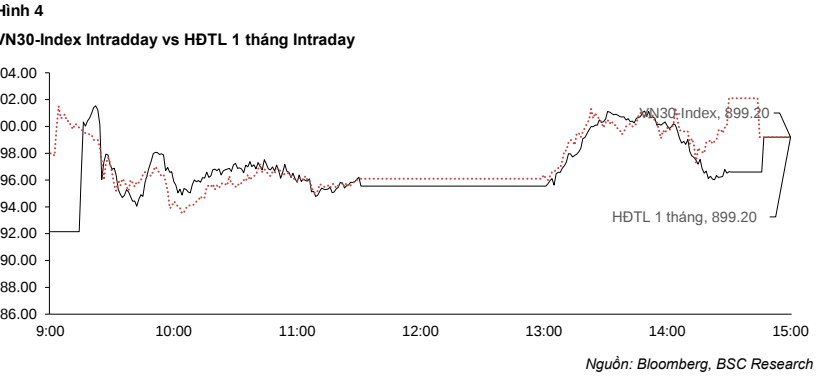
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	TP	21	14.75%
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	TP	20	12.40%
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	TP	23	11.53%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/4/2020	VCS	67	76	60	TP	27	13.43%

Chú thích:
 Thống kê 9 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	19	7	2.70%	-2.07%	1.42%	32
Cổ phiếu đã chốt	42	24	12.52%	-8.88%	4.74%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	899.20	0.49%	0.00	2.9%	95,986	10/15/2020	0
VN30F2011	888.60	0.01%	-10.60	149.0%	22,773	11/19/2020	35
VN30F2012	887.00	-0.08%	-12.20	41.8%	302	12/17/2020	63
VN30F2103	884.80	0.23%	-14.40	555.7%	400	3/18/2021	154

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng tích cực +7.05 điểm, lên mức 899.20 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, HPG, STB, MSN, PNJ tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. VN30 tăng mạnh đầu phiên sáng trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 895-900 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức cao, VN30 có thể vận động tăng lên 905 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Ngoại trừ VN30F2012, các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 870 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2008	11/20/2020	36	5:1	167,730	35.10%	1,530	5,850	17.00%	5,693	1.03	60,650	53,000	81,100
CHPG2002	12/16/2020	62	2:1	299,040	37.63%	1,700	3,310	14.93%	743	4.46	33,399	29,999	29,050
CHPG2008	11/30/2020	46	1:1	265,610	37.63%	4,100	8,100	14.73%	2,200	3.68	32,100	28,000	29,050
CHPG2019	12/18/2020	64	2:1	576,410	37.63%	1,630	2,910	14.12%	2,682	1.08	27,360	24,100	29,050
CPNJ2007	11/20/2020	36	2:1	341,940	39.38%	1,670	2,580	13.16%	2,477	1.04	61,350	53,000	65,000
CHPG2016	1/14/2021	91	2:1	699,280	37.63%	2,200	4,600	13.02%	1,586	2.90	31,900	27,500	29,050
CHPG2012	1/18/2021	95	1:1	411,500	37.63%	6,100	10,050	12.29%	3,852	2.61	32,600	26,500	29,050
CHPG2014	4/19/2021	186	1:1	116,090	37.63%	7,200	11,170	12.04%	4,793	2.33	33,700	26,500	29,050
CHPG2013	12/1/2020	47	1:1	90,430	37.63%	6,900	12,020	11.40%	5,310	2.26	30,900	24,000	29,050
CVIC2004	4/27/2021	194	20:1	1,038,650	35.04%	1,000	710	10.94%	495	1.43	119,999	99,999	97,500
CHPG2015	3/1/2021	137	1:1	122,280	37.63%	6,700	10,440	10.71%	4,316	2.42	33,200	26,500	29,050
CTCB2008	12/18/2020	64	2:1	427,140	38.49%	1,720	2,400	10.09%	1,687	1.42	23,440	20,000	22,850
CHPG2010	4/5/2021	172	4:1	848,610	37.63%	1,800	1,760	10.00%	442	3.98	40,300	33,100	29,050
CSTB2009	12/18/2020	64	1:1	527,540	45.33%	1,650	3,300	6.45%	3,145	1.05	12,550	10,900	13,850
CTCB2007	1/14/2021	91	2:1	314,880	38.49%	1,700	2,250	1.35%	1,808	1.24	23,400	20,000	22,850
CVHM2005	1/14/2021	91	10:1	1,205,440	38.18%	1,400	860	0.00%	563	1.53	93,000	79,000	77,500
CFPT2009	12/18/2020	64	3:1	372,020	32.00%	2,480	2,300	0.00%	1,890	1.22	54,240	46,800	51,200
CMWG2010	1/14/2021	91	10:1	684,100	41.79%	1,400	2,950	-1.67%	2,902	1.02	96,000	82,000	109,400
CVPB2008	1/14/2021	91	2:1	1,179,720	45.66%	1,800	1,760	-1.68%	1,716	1.03	25,600	22,000	24,050
CVHM2002	11/30/2020	46	1:1	117,020	38.18%	11,500	5,100	-6.59%	4,659	1.09	88,500	77,000	77,500
Tổng				9,805,430	38.32%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/10/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

- CMSN2005 và CMSN2006 tăng mạnh lần lượt là 35.44% và 26.17%. Trái lại, CMWG2012 và CCTD2001 giảm mạnh lần lượt là -9.80% và -8.57%. Giá trị giao dịch tăng 15.43%. CHPG2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất 9.34% thị trường.
- CMWG2006, CVPB2006, CREE2003, CVRE2005, và CMWG2009 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CMSN2008, và CMSN2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMWG2012, và CMSN2008 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	109.4	0.4%	1.3	2,153	4.2	8,348	13.1	3.5	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	65.0	3.3%	1.3	636	5.4	4,629	14.0	3.1	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	54.0	-0.7%	1.4	1,743	3.9	1,625	33.2	2.0	28.3%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	29.9	0.0%	0.3	291	0.0	2,651	11.3	0.9	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	97.5	2.6%	0.8	14,339	5.7	2,336	41.7	3.9	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	27.6	0.9%	1.1	2,727	5.0	1,057	26.1	2.3	30.7%	8.9%	
VHM	Bất động sản	77.5	-1.3%	1.3	11,084	9.1	6,686	11.6	3.7	22.0%	36.5%	
DXG	Bất động sản	11.2	0.5%	1.4	251	2.5	658	17.0	0.9	34.7%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	18.2	0.3%	1.3	474	3.7	1,718	10.6	1.1	50.2%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	39.2	7.0%	1.0	282	2.3	4,110	9.5	1.7	27.8%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	22.4	0.0%	1.7	296	2.6	1,608	13.9	1.6	49.0%	11.5%	
FPT	Công nghệ	51.2	0.4%	0.8	1,745	4.3	4,280	12.0	2.7	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	50.0	0.4%	0.4	595	0.1	4,812	10.4	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	75.0	-0.3%	1.4	6,241	4.6	5,169	14.5	2.7	3.1%	20.5%	
PLX	Dầu khí	49.8	0.6%	1.5	2,639	1.0	867	57.4	3.0	16.0%	5.1%	
PVS	Dầu khí	13.8	0.7%	1.5	287	4.1	1,339	10.3	0.5	9.9%	5.2%	
BSR	Dầu khí	7.0	-1.4%	0.8	944	1.2	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	104.4	-1.0%	0.5	593	0.0	5,044	20.7	4.3	54.8%	21.2%	
DPM	Hóa chất	17.1	1.5%	0.4	291	1.7	1,700	10.1	0.8	12.2%	8.9%	
DCM	Hóa chất	12.0	0.4%	0.5	276	2.3	709	16.9	1.0	2.7%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	88.6	0.5%	1.1	14,287	5.5	4,915	18.0	3.7	23.6%	22.0%	
BID	Ngân hàng	42.3	-1.5%	1.3	7,388	5.5	2,132	19.8	2.2	17.4%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	30.1	0.2%	1.2	4,865	13.3	2,995	10.0	1.4	29.9%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	24.1	0.2%	1.2	2,549	8.7	4,126	5.8	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	17.6	-0.3%	1.0	2,122	3.3	3,041	5.8	1.1	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	24.5	2.1%	0.9	2,303	17.3	2,884	8.5	1.7	39.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	54.2	0.4%	0.9	193	0.7	5,781	9.4	1.8	81.3%	19.5%	
NTP	Nhựa	32.9	0.9%	0.4	168	0.1	3,348	9.8	1.5	18.9%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	18.3	14.4%	0.3	787	1.2	356	51.4	1.5	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	29.1	2.5%	1.2	4,185	39.3	2,632	11.0	1.8	34.1%	18.1%	
HSG	Thép	15.1	0.0%	1.5	292	5.5	1,767	8.5	1.1	9.5%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	107.5	0.1%	0.8	9,767	8.7	4,615	23.3	7.5	58.0%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	190.0	0.0%	0.8	5,298	1.4	6,328	30.0	6.6	63.2%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	81.1	1.4%	1.0	4,142	20.1	3,255	24.9	4.1	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	15.9	0.0%	0.8	406	2.3	619	25.7	1.3	5.2%	5.3%	
ACV	Vận tải	61.8	0.5%	0.8	5,850	1.2	3,450	17.9	3.7	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	106.0	1.3%	1.1	2,414	2.3	3,480	30.5	3.7	17.5%	12.3%	
HVN	Vận tải	26.3	0.0%	1.7	1,619	0.5	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%	
GMD	Vận tải	23.7	-0.6%	0.9	305	0.3	1,381	17.1	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	13.4	-0.7%	1.2	164	2.1	2,076	6.5	0.8	19.8%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	75.3	-0.7%	1.0	508	0.9	8,104	9.3	3.5	2.9%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.4	1.7%	0.8	456	0.2	1,363	17.2	1.6	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.6	-2.1%	0.9	275	0.9	1,937	8.5	1.1	6.0%	13.5%	
CTD	Xây dựng	58.0	-5.4%	1.1	192	6.3	8,453	6.9	0.5	46.7%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.4	-1.3%	0.3	191	2.4	1,562	11.7	0.9	33.9%	7.6%	
REE	Điện	41.8	1.7%	-1.4	563	0.5	4,780	8.7	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	22.4	-0.9%	-0.4	155	0.2	2,176	10.3	1.0	14.7%	9.9%	
POW	Điện	10.2	-0.5%	0.6	1,033	2.7	933	10.9	0.8	10.5%	8.1%	
NT2	Điện	23.1	-0.4%	0.6	289	0.1	2,685	8.6	1.5	19.1%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	14.7	-0.3%	0.8	299	2.0	1,156	12.7	0.7	18.4%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	40.0	0%	1.0	1,800	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	97.50	2.63	2.41	1.36MLN
HPG	29.05	2.47	0.66	30.53MLN
VCB	88.60	0.45	0.42	1.42MLN
MSN	81.10	1.38	0.37	5.70MLN
VJC	106.00	1.34	0.22	500370

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-0.95	2.69MLN	1.11MLN
BID	0.00	-0.75	2.96MLN	607060
GVR	0.00	-0.17	5.37MLN	373600
GAS	0.00	-0.11	1.38MLN	192700
DBC	-0.01	-0.09	5.86MLN	611640

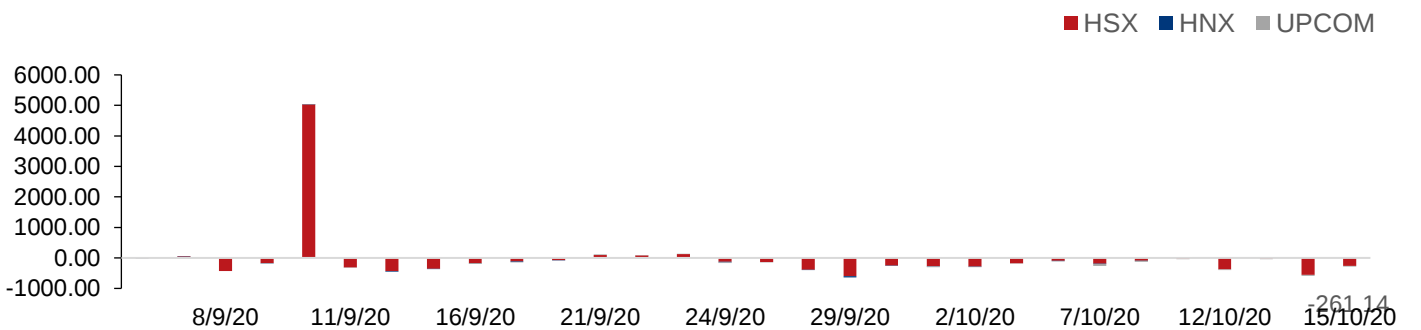
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU1	6.42	7.00	0.00	10200.00
TTE	8.26	6.99	0.00	50
DTL	7.83	6.97	0.01	60
VCI	39.15	6.97	0.12	1.39MLN
SMC	11.70	6.85	0.01	650540

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TLD	10.65	-6.99	0.00	1.58MLN
SSC	50.80	-6.96	-0.02	60
DBC	41.45	-6.96	-0.09	5.86MLN
VNL	16.50	-6.78	0.00	100
PNC	8.49	-6.70	0.00	210

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	109.4	8,348	13.1	3.5	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.5	885	9.6	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	42.6	5,512	7.7	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.0	1,944	12.3	1.7	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	29.1	2,632	11.0	1.8	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.5	3,024	8.8	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.1	4,126	5.8	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.5	9,998	4.1	1.2	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	81.1	3,255	24.9	4.1	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	42.1	4,670	9.0	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.1	1,767	8.5	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.1	5,479	7.9	2.1	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.2	2,103	12.5	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	29.1	2,632	11.0	1.8	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.9	3,103	7.4	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	65.0	4,629	14.0	3.1	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	106.4	4,105	25.9	9.1	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	11.2	658	17.0	0.9	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	20.3	1,721	11.8	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.1	7,583	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.3	5,224	5.2	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	52.9	4,739	11.2	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	88.6	4,915	18.0	3.7	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	24.5	2,884	8.5	1.7	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	42.6	5,512	7.7	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	54.5	5,872	9.3	2.5	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	51.2	4,280	12.0	2.7	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.7	1,381	17.1	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.7	1,156	12.7	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	190.0	6,328	30.0	6.6	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.0	1,944	12.3	1.7	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	107.5	4,615	23.3	7.5	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.2	1,407	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	109.4	8,348	13.1	3.5	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.5	2,088	9.3	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	104.4	5,044	20.7	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.4	2,076	6.5	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	65.0	4,629	14.0	3.1	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	32.8	4,313	7.6	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	219.5	14,782	14.8	6.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639